

Thực trạng và phương pháp dạy học từ vựng Tiếng Trung tổng hợp cho sinh viên khối không chuyên trình độ sơ cấp tại Trường Đại học Đồng Nai

Phạm Thị Hồng Anh*

Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai

Received: 14/2/2024; Accepted: 24/2/2024; Published: 3/3/2024

Abstract: The objective of the research focuses on evaluating the current status of vocabulary teaching in general Chinese for non-major students at the elementary level at Dong Nai University. The research was conducted through a student survey. Based on the results of the investigation, study related documents, analyze, summarize, and find remaining problems and obstacles in students' vocabulary learning process. The research results can serve as a basis for providing teaching methods suitable to reality to improve the teaching situation and improve students' Chinese language level.

Keywords: Dong Nai University, elementary level, vocabulary teaching, general Chinese

1. Đặt vấn đề

Tiếng Trung là một trong những ngoại ngữ phổ biến trên thế giới. Ở Việt Nam, số lượng người học tiếng Trung ngày càng gia tăng. Trong quá trình học tiếng Trung, từ vựng là yếu tố then chốt. Từ vựng là nền tảng của mọi ngôn ngữ. Trong DH ngoại ngữ, từ vựng là một trong những bình diện quan trọng nhất, giúp cho việc học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt kết quả tốt. Làm thế nào để học từ vựng một cách hiệu quả, luôn là vấn đề được quan tâm của giáo viên dạy ngoại ngữ.

DH Đồng Nai là một trường đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Đồng Nai. Ngoài các ngành đào tạo hệ sư phạm còn có các ngành đào tạo hệ ngoài sư phạm, một trong số đó là ngành Ngôn ngữ Anh. Môn tiếng Trung là môn ngoại ngữ hai dành cho SV ngành tiếng Anh được nhà trường chấp thuận cho SV đề đủ điều kiện ra trường. Môn tiếng Trung là ngoại ngữ mới, do đó việc học và ghi nhớ từ vựng là một trong những trở ngại đối với SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sơ lược về tiếng Trung tổng hợp TĐSC

Giai đoạn sơ cấp là giai đoạn quan trọng đối với SV học tiếng Trung là ngoại ngữ hai. Vì thế DH từ vựng là một trong những phần quan trọng trong giai đoạn này. Ở Trung Quốc và Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về DH từ vựng, nhưng nghiên cứu về DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp TĐSC thì chưa nhiều. Ở Trung Quốc đã có một số nghiên cứu về DH từ vựng môn tiếng Trung tổng hợp TĐSC. Nghiên cứu của 微 (2016) lấy văn hóa An Huy làm

ví dụ để tìm hiểu hiệu quả của việc đưa văn hóa vùng miền vào DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp TĐSC. Nghiên cứu của 媛 (2014) sử dụng giáo án trong DH trên lớp làm một phần của tình huống, trong quá trình soạn giáo án phát hiện ra những lỗi sai trong DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp TĐSC và đề xuất một số giải pháp khả thi. Nghiên cứu của 巍 (2011) sử dụng video và băng ghi âm DH môn tiếng Trung tổng hợp giai đoạn sơ cấp của mười giáo viên làm tài liệu, tiến hành so sánh và phân tích chi tiết quá trình và PPDH từ vựng và ngữ pháp, căn cứ vào lý thuyết và nguyên tắc DH, tổng kết điểm giống và khác nhau trong quá trình DH từ vựng và ngữ pháp của mười giáo viên tiếng Trung, hy vọng giúp ích cho việc cải tiến việc DH trên lớp. Nghiên cứu của 田 (2014) nhấn mạnh vị trí, vai trò của việc DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp trình độ sơ cấp, bàn luận đầy đủ về mối quan hệ giữa DH từ vựng và DH ngữ pháp, đồng thời tổng kết một số nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ trong quá trình dạy từ vựng.

2.2. Thực trạng DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp TĐSC

Tác giả lấy DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp TĐSC làm đối tượng nghiên cứu, lấy SV năm nhất và năm hai khối không chuyên TĐSC làm đối tượng điều tra.

Môn tiếng Trung tổng hợp là môn học phù hợp đối với SV khối không chuyên. DH Đồng Nai sử dụng Tân giáo trình Hán ngữ tập 1, tổng cộng có 30 bài. Chủ đề của giáo trình này tương đối phong phú, kết cấu của một bài bao gồm: Từ vựng, hội thoại, bài khóa, ngữ pháp, luyện tập. Ngoài ra, giáo trình này còn có bảng

từ vựng, đáp án phần luyện tập, sử dụng tiếng Trung và tiếng Việt, giúp SV nắm vững 2 ngôn ngữ.

Môn tiếng Trung tổng hợp được chia làm ba học kỳ, học kỳ thứ nhất và thứ hai SV học 30 tiết một học kỳ, học kỳ thứ ba SV học 45 tiết, tổng cộng 105 tiết học. Một học kỳ SV học 10 bài, một tuần SV học 3 tiết, bao gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và lý thuyết tiếng bao gồm ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, chữ Hán. Trong quá trình DH, GV gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thời gian trên lớp. Thời gian trên lớp có hạn, GV không chỉ giúp SV đạt được mục tiêu kỹ năng và mục tiêu kiến thức, mà còn phải hoàn thành bài học. Do đó GV phải giao bài luyện tập để SV nâng cao trình độ tiếng Trung của bản thân.

Từ vựng là một phần nội dung của môn tiếng Trung tổng hợp. Trên lớp, đầu tiên GV dùng powerpoint trình chiếu và đọc từ vựng, SV đọc theo, GV vừa đọc vừa giúp SV sửa phát âm, sau đó giải thích nghĩa của từ và cách sử dụng từ. Thông qua nội dung của hội thoại và bài khóa, SV dễ dàng nắm vững cách sử dụng từ.

Trong quá trình DH, GV nhận thấy đa số SV không thích học tiếng Trung. SV cảm thấy tiếng Trung rất khó, không phải là môn học chuyên ngành nên không tập trung cho việc học tiếng Trung, dẫn đến KQHT môn tiếng Trung không tốt. Một trong những trở ngại của SV là ghi nhớ từ vựng. SV cho rằng số lượng từ vựng trong giáo trình rất nhiều, không phù hợp với trình độ của SV. Bên cạnh đó, thời gian trên lớp có hạn, SV khó ghi nhớ từ vựng, chỉ nhớ được phiên âm.

2.3 Phản hồi của SV về DH từ vựng:

Trong quá trình thiết kế bảng khảo sát, chúng tôi đưa ra 5 câu hỏi liên quan trực tiếp đến phần từ vựng trong giáo trình, bao gồm 3 câu hỏi trắc nghiệm, kết quả thu được như sau:

Căn cứ vào kết quả điều tra, PP dạy từ vựng bằng cách trình chiếu Powerpoint chiếm 59.7%, viết bảng chiếm 12.6%, thuyết trình chiếm 6.9%, các PPKhác chiếm 20.8%. Đối với phần từ vựng, PPsử dụng Powerpoint là phổ biến nhất. Ngoài ra GVsử dụng thêm các PP khác để giúp SV học tốt từ vựng. Số lượng từ vựng sẽ tăng theo yêu cầu của môn học. Dựa theo đáp án của câu 4, đa số SV cảm thấy số lượng từ vựng trong giáo trình tương đối nhiều, không phù hợp với trình độ của SV, thời gian học trên lớp có hạn, vì thế SV gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng. Số ít SV cảm thấy số lượng từ vựng trong giáo trình tương đối ít. Dựa theo đáp án của câu 5, SV sử dụng những PPKhác nhau để học từ vựng: Đọc viết nhiều, học thuộc, sử dụng phần mềm học tiếng Trung, đặt câu, xem phim, xem youtube, nghe nhạc, viết từ mới lên điện thoại, vừa đọc viết từ mới vừa liên tưởng đến

đồ vật xung quanh, dịch từ mới sang tiếng Anh, viết và nghe từ mới....

Căn cứ vào kết quả điều tra, 13.8% SV cảm thấy từ vựng trong giáo trình rất khó, 39% SV cảm thấy từ vựng trong giáo trình khó, 40.3% SV cảm thấy từ vựng trong giáo trình phù hợp, 6.9% SV cảm thấy từ vựng trong giáo trình không khó. Về thái độ của SV, 11.3% SV rất thích học từ vựng, 20.8% SV thích học từ vựng, 50.3% SV cảm thấy bình thường, 17.6% SV không thích học từ vựng.

2.4 Vấn đề tồn tại trong quá trình DH từ vựng:

2.4.1 PPDH: Từ vựng là chất liệu xây dựng nên ngôn ngữ, không có từ vựng thì không thể tạo thành câu, không thể sử dụng ngữ pháp, không thể giao tiếp. Từ vựng trong DH ngôn ngữ thứ 2 bắt đầu bằng từ đơn và mở rộng dần sang cụm từ, có nghiên cứu cho rằng từ vựng là nội dung quan trọng trong học tập và nắm vững một loại ngôn ngữ. Sách Tân giáo trình Hán ngữ có 4 phần liên quan đến từ vựng: Từ mới, hội thoại, bài khóa, luyện tập. Đối với phần từ mới, GV chủ yếu dùng PP trình chiếu powerpoint để dạy từ mới. Ngoài ra giáo viên còn dùng những PPKhác: viết bảng, thuyết trình. Trên lớp học, đầu tiên GV trình chiếu từ mới, đọc 1 lần để SV đọc theo, GV chỉnh phát âm cho SV, sau đó giải thích nghĩa và cách dùng từ. Thông qua nội dung của phần hội thoại và bài khóa, SV dễ dàng nắm vững cách dùng của từ mới. Chủ đề của phần hội thoại và bài khóa rất phong phú: Chào hỏi, gia đình, thời gian, thời tiết... Thông qua những phương thức luyện tập giúp SV biết cách kết hợp từ: Hoàn thành hội thoại, hoàn thành câu, đặt câu... Tuy đa số giáo viên dùng PP trình chiếu powerpoint, nhưng PPNày vẫn tồn tại một số vấn đề. Vì Số lượng từ vựng trong giáo trình tương đối nhiều, thời gian học trên lớp có hạn, SV gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng, nên trình chiếu powerpoint không phải là PP tốt nhất.

2.4.2 Thái độ học tập và PP học tập của SV:

Căn cứ vào kết quả điều tra, 52.8% SV cảm thấy từ vựng trong giáo trình khó. Về thái độ của SV, 11.3% SV rất thích học từ vựng, 20.8% SV thích học từ vựng, 50.3% SV cảm thấy bình thường, 17.6% SV không thích học từ vựng. Đa số SV cảm thấy số lượng từ vựng trong giáo trình không phù hợp với trình độ của họ, SV chỉ ghi nhớ được phiên âm, gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng.

SV có nhiều PP học từ vựng: đọc viết nhiều, học thuộc, sử dụng phần mềm học tiếng Trung, đặt câu, xem phim, xem youtube, nghe nhạc, viết từ mới lên điện thoại, vừa đọc viết từ mới vừa liên tưởng đến đồ vật xung quanh, dịch từ mới sang tiếng Anh, viết và nghe từ mới..... Tuy những PPNày giúp ích cho SV

trong quá trình học từ vựng nhưng chưa phát huy hiệu quả tối đa.

2.5. Thực trạng PPDH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp khối không chuyên TĐSC tại Trường ĐH Đồng Nai.

2.5.1 DH từ vựng thông qua kỹ năng DH trên lớp:

Tại ĐH Đồng Nai, SV là đối tượng bắt đầu học tiếng Trung. Vì đa số SV cảm thấy tiếng Trung khó học nên GV gặp nhiều khó khăn trong quá trình DH. GV nên điều chỉnh tâm lý của bản thân, vui vẻ DH, tránh làm cho SV cảm thấy sợ học tiếng Trung. Ngoài việc thu hút sự chú ý và kích thích sự hứng thú học tập của SV, GV còn phải khắc phục trở ngại tâm lý của SV, tạo không khí lớp học hài hòa, sôi nổi, thoải mái, vui vẻ. Ngôn ngữ DH cũng rất quan trọng. GV căn cứ vào mục đích DH, trình độ của SV để dùng ngôn ngữ DH phù hợp. Đối với đối tượng mới bắt đầu học tiếng Trung, GV nên nói chậm, có ngắt nghỉ, sử dụng câu từ đơn giản, giảng giải rõ ràng để SV nắm vững kiến thức.

2.5.2 Bồi dưỡng năng lực của SV

Nhiệm vụ chính của DH tiếng Trung là trau dồi khả năng vận dụng tiếng Trung trong giao tiếp của SV, đồng thời hình thành thể giới quan đúng đắn, mở rộng kiến thức, trau dồi khả năng học tập suốt đời và khả năng học tập độc lập của SV. Chuẩn bị bài học là một trong những nội dung quan trọng nhằm rèn luyện khả năng học tập độc lập của SV. Hoạt động DH là hoạt động giữa hai bên, SV vừa là đối tượng DH, vừa là chủ thể DH, việc hướng dẫn SV hình thành thói quen chuẩn bị bài học thực chất là giúp SV phát huy vai trò chủ đạo của người học, không chỉ rèn luyện khả năng chủ động giải quyết vấn đề mà còn kích thích hứng thú học tập của SV, khiến việc DH trên lớp trở nên sôi động hơn.

Đặt câu hỏi là một phần quan trọng trong quá trình học tập của SV. Khuyến khích SV đặt câu hỏi là một PPhiếu quả để dạy và khai thác tiềm năng của SV. Trong DH trên lớp, nếu GV hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi thì học sinh sẽ phát hiện ra những quan điểm, góc nhìn khác nhau và đưa ra những hiểu biết khác nhau.

2.5.3 Một số PPDH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp khối không chuyên TĐSC tại Trường ĐH Đồng Nai:

Đối với mỗi từ, SV cần nắm vững mặt chữ, phiên âm, nghĩa của từ và cách sử dụng từ. Trong quá trình DH từ vựng, GV thường dùng PPphiên dịch, dùng ngôn ngữ mẹ đẻ để giải thích nghĩa của từ. PP này giúp cho SV dễ dàng hiểu nghĩa của từ. Ngoài PPphiên dịch, GV có thể sử dụng PP mở rộng từ vựng.

Trong quá trình dạy từ vựng, thông qua nội dung trong giáo trình, GV dạy SV học để biết cách sử dụng từ. GV nên sử dụng PP đọc chuyên sâu. Đọc chuyên sâu là đọc một cách cẩn thận kỹ lưỡng. Có nghiên cứu cho rằng đối với bài văn, phải đọc kỹ và nhiều lần, đi sâu vào từng câu chữ, hiểu thấu đáo nội dung tư tưởng thể hiện trong các câu, chương quan trọng, đây chính là đọc chuyên sâu (然, 2014). SV chuẩn bị từ mới ở nhà, trên lớp đọc bài khóa, sau đó làm bài tập. Trong quá trình sử dụng PP đọc chuyên sâu, GV cần chú ý, một từ có thể có nhiều nghĩa và cách sử dụng, GV không giải thích hết nghĩa và cách sử dụng của mỗi từ, nên giải thích nghĩa và cách sử dụng của từ đó tương ứng với mỗi bài khóa.

Đối với từ vựng, GV nên tập trung vào luyện tập hơn là giải thích. Có nghiên cứu cho rằng một số từ GV vốn dĩ không cần giải thích mà có thể trực tiếp chuyển sang bài tập phối hợp từ hoặc bài tập về câu, kể cả khi GV cần giải thích thì SV cũng phải được tiếp thu kiến thức thông qua thực hành, chỉ có như vậy, học sinh mới biết khi nào sử dụng từ và sử dụng như thế nào (莘, 2014).

Trong quá trình DH từ vựng, ngoài việc sử dụng PP phù hợp, GV có thể thông qua trò chơi để giúp SV nhớ từ vựng một cách dễ dàng.

3. Kết luận

Nghiên cứu thực trạng DH từ vựng trong môn tiếng Trung tổng hợp cho SV khối không chuyên tại ĐH Đồng Nai. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 52.8% SV cảm thấy từ vựng trong giáo trình tương đối nhiều, không phù hợp với trình độ của SV, thời gian học trên lớp có hạn, vì thế SV gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã đề xuất một vài ý kiến về PPDH từ vựng nhằm nâng cao hiệu quả DH và KQHT môn tiếng Trung tổng hợp của SV.

Tài liệu tham khảo

1. WEI, X. [徐薇] (2016). 初级汉语综合课词汇教学中地域文化导入效果研究 - 以 徽文化为例, 硕士论文 安徽大学.
2. YUAN, ZH. [张媛媛] (2014). 对外汉语初级综合课词汇教学教案案例分析, 硕士论文 苏州大学.
3. WEI, L. [李巍] (2011). 初级汉语综合课词汇与语法教学案例分析, 硕士论文 南京师范大学.
4. TIAN, F. [藩田] (2011). 简论对外汉语初级综合课词汇教学, 期刊 武汉大学留学生教育学院.
5. QUAN, L. [李泉] (2011). 汉语综合课教学理论与语法, 北京大学出版社.